

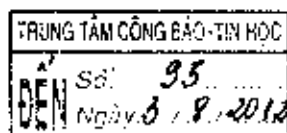
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ TĨNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2012/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Đề án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững
giai đoạn 2012 - 2015, định hướng đến năm 2020**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về việc thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020;

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 19/5/2009 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về Nông nghiệp, nông dân, nông thôn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 281/TTr-UBND ngày 13/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị thông qua Đề án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững giai đoạn 2012 - 2015, định hướng đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra của các ban HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững giai đoạn 2012 - 2015 và định hướng đến năm 2020 như Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình với các nội dung chủ yếu:

1. Mục tiêu

- Mục tiêu chung: Quản lý, bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững 362.740,9 ha rừng và đất rừng hiện có, nâng cao chất lượng và giá trị của rừng nhằm đảm bảo vai trò phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, góp phần tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo, đảm bảo an ninh, quốc phòng và xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

- Mục tiêu đến năm 2015: Độ che phủ rừng đạt 54%; kiểm soát chặt chẽ khai thác, vận chuyển, buôn bán, chế biến lâm sản; giảm số vụ và diện tích thiệt hại do cháy rừng gây ra; 100% diện tích rừng, đất rừng đều có chủ rừng quản lý;

tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất theo giá so sánh bình quân hàng năm đạt 3,5%, giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản đạt 50 triệu USD; giải quyết việc làm cho khoảng 55.000 lao động.

- Định hướng đến năm 2020: Độ che phủ rừng đạt 56%, rừng và đất rừng cơ bản được quản lý ổn định, bền vững; tăng trưởng giá trị sản xuất theo giá so sánh ước đạt 4%/năm; giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản đạt khoảng 70 triệu USD; giải quyết việc làm cho 70 ngàn lao động.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy mô diện tích quản lý của các chủ rừng nhà nước để xem xét cắt chuyển theo hướng: Diện tích rừng phòng hộ tập trung có quy mô trên 2.000 ha của các doanh nghiệp thì cắt chuyển để giao cho các Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý; diện tích quy hoạch rừng sản xuất tập trung có quy mô từ 1.000ha trở lên (trường hợp đặc biệt thì từ 500 ha trở lên) đang do các Ban quản lý rừng quản lý thì xem xét thu hồi chuyển về cho địa phương để giao cho hộ gia đình hoặc cho các tổ chức kinh tế thuê; diện tích rừng phòng hộ và rừng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, phân tán, gần dân có quy mô liên vùng dưới 500 ha thì xem xét giao cho hộ, các tổ chức, hoặc cộng đồng dân cư quản lý. Xem xét cắt chuyển diện tích rừng phòng hộ ven biển của Ban Quản lý rừng phòng hộ Thạch Hà, Cẩm Xuyên và Nam Hà Tỉnh giao cho các địa phương quản lý, kết hợp với diện tích ven biển của các huyện khác để lập dự án riêng nhằm đầu tư phát triển đai rừng phòng hộ ven biển, ứng phó kịp thời với tình hình biến đổi khí hậu.

2.2. Đẩy mạnh giao, cho thuê, khoán rừng, gắn với giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho các thành phần kinh tế, trong đó ưu tiên cho các hộ sống chủ yếu bằng nghề rừng. Xây dựng đề án về giao đất, giao rừng, cho thuê rừng và tập trung chỉ đạo thực hiện, phân đấu toàn bộ số diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện do UBND các xã quản lý và số diện tích thu hồi sau rà soát từ các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng được giao, cho thuê và cấp giấy chứng nhận QSDĐ xong trong năm 2013.

Kinh phí cho điều tra, đo vẽ, xây dựng hồ sơ giao, cho thuê rừng, đất rừng chủ yếu do các tổ chức, cá nhân được giao, cho thuê đất rừng chi trả. Ngân sách nhà nước hỗ trợ bình quân 200.000 đồng/ha cho đối tượng là hộ gia đình, còn lại UBND xã huy động đóng góp theo diện tích được giao của các hộ, các hộ khó khăn thì xem xét hỗ trợ mức cao hơn các hộ khác; tổng kinh phí ngân sách hỗ trợ khoảng 9,6 tỷ đồng.

Rà soát toàn bộ hồ sơ khoán rừng, khoán đất lâm nghiệp trong các ban quản lý rừng và doanh nghiệp lâm nghiệp, chấn chỉnh đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 01/NĐ-CP ngày 15/01/1995 và Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ. Kiên quyết thanh lý các hợp đồng khoán không đúng đối tượng hoặc tổ chức, cá nhân đã nhận khoán nhưng thiếu trách nhiệm, vi phạm quy định của Nhà nước.

2.3. Quan tâm đầu tư ngân sách cho khoanh nuôi, bảo vệ, trồng mới và trồng nâng cấp rừng phòng hộ, đặc dụng theo hướng bền vững; khuyến khích,

tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển rừng sản xuất theo hướng thâm canh, kinh doanh tổng hợp tạo thành vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến sâu các sản phẩm tiêu dùng, xuất khẩu và phát triển thị trường tiêu thụ. Hàng năm, đầu tư từ ngân sách khoảng 35,0 tỷ đồng cho thực hiện chương trình bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh, trong đó quan tâm đầu tư công tác quản lý bảo vệ, đầu tư cho hạ tầng lâm nghiệp.

2.4. Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức, vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; xác định đây là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; bố trí đủ kinh phí thường xuyên cho công tác này.

2.5. Kiến toàn hệ thống tổ chức các cơ quan, tổ chức của Nhà nước về lâm nghiệp trên toàn tỉnh theo hướng thống nhất, tinh gọn, đồng bộ, hoạt động có hiệu quả; đội ngũ cán bộ phải được phân loại, sắp xếp lại, lựa chọn những người tinh thông, tận tụy với công việc được giao để đảm trách các vị trí chủ chốt; kiên quyết đưa ra khỏi ngành những cán bộ thoái hóa, biến chất.

2.5.1. Về cơ quan quản lý nhà nước:

- Ở cấp tỉnh, huyện: Sau khi có nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh thì tổ chức lại các cơ quan quản lý lâm nghiệp theo quy định, đảm bảo hiệu quả.

- Ở cấp xã: Bố trí cho 98 xã có từ 500 ha rừng và đất lâm nghiệp trở lên thêm mỗi xã 01 cán bộ bán chuyên trách theo dõi lâm nghiệp (ngoài 01 công chức theo dõi lĩnh vực nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ). Thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí cho các xã tổ chức bảo vệ rừng tại cơ sở theo quy định tại Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng.

2.5.2. Về các đơn vị hoạt động sự nghiệp.

Kiến toàn, tổ chức lại các ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ theo hướng:

- Đối với rừng đặc dụng: Giữ nguyên Vườn Quốc gia Vũ Quang, bổ sung đủ biên chế theo quy định. Điều chỉnh quy mô quản lý của Khu Bảo tồn thiên nhiên Kè Gỗ theo hướng tiếp nhận diện tích rừng, đất lâm nghiệp của Ban Quản lý rừng phòng hộ Cẩm Xuyên và Thạch Hà chuyển sang.

- Đối với rừng phòng hộ: Tổ chức lại 7 ban phòng hộ hiện có thành 5 ban, quản lý cả phần diện tích rừng phòng hộ tập trung cắt chuyển từ Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp và dịch vụ Chúc A và Hương Sơn (thực hiện theo Nghị quyết 26/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh).

2.5.3. Đối với các doanh nghiệp nhà nước:

Chỉ đạo 2 công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A và Lâm nghiệp và dịch vụ Hương Sơn rà soát, xây dựng phương án quản lý rừng

bền vững để chủ động trong kế hoạch khai thác gỗ hàng năm; xây dựng Đề án sản xuất kinh doanh gắn với quản lý rừng bền vững nhằm tái cấu trúc 2 công ty, đảm bảo hoạt động hiệu quả, bền vững. Trên cơ sở các chính sách hiện hành, xem xét bố trí ngân sách cho 2 Công ty để bảo vệ diện tích rừng phòng hộ dân xen còn lại và diện tích rừng tự nhiên sản xuất nghèo, chưa có sản phẩm khai thác trong vòng 10 - 15 năm tới.

2.6. Tổ chức lại mạng lưới các cơ sở chế biến lâm sản theo quy hoạch, thực hiện việc cấp phép có điều kiện. Chuyển hướng từ chế biến thô sang chế biến tinh, sâu, sử dụng nguyên liệu từ rừng trồng là chính, đưa công nghiệp chế biến lâm sản trở thành mũi nhọn kinh tế của ngành và đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

2.7. Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi khai thác, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ, chế biến lâm sản trái phép, kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào của các cơ sở chế biến, coi đây là giải pháp trọng tâm, phải kiên quyết và duy trì hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.

Thành lập các đoàn liên ngành gồm: Kiểm lâm, Công an, Quân đội, Biên phòng, chính quyền địa phương mở các đợt kiểm tra, truy quét việc khai thác, buôn bán, tàng trữ, chế biến lâm sản trái phép, kể cả lâm sản trái phép đang tàng trữ trong các hộ gia đình; chú trọng soát xét toàn bộ các cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản, các làng nghề có sử dụng gỗ trên toàn tỉnh, kiểm tra giấy phép, nguồn gốc lâm sản đưa vào chế biến, kinh doanh..., nếu vi phạm thì thu hồi giấy phép, tịch thu lâm sản. Kiên quyết tháo dỡ các xưởng chế biến lâm sản lập trái phép, xử lý nghiêm, đúng quy định của pháp luật các trường hợp vi phạm.

2.8. Ưu tiên đầu tư ngân sách cho nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ mới vào sản xuất, trong đó chú trọng nghiên cứu, chuyển giao các phương thức kinh doanh rừng tổng hợp, bền vững, kỹ thuật nhân giống mới có năng suất cao, kỹ thuật nông lâm kết hợp có hiệu quả, công nghệ mới, hiện đại trong chế biến sâu lâm sản...

2.9. Thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh theo quy định tại Nghị định 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về quỹ bảo vệ và phát triển rừng. Tổ chức bộ máy, quy chế hoạt động, nguồn thu và các vấn đề liên quan khác do UBND tỉnh quyết định. Nguồn vốn ban đầu của Quỹ do Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng (mười tỷ đồng) từ kế hoạch ngân sách năm 2013 và nguồn hỗ trợ từ Quỹ Trung ương.

2.10. Tổng nhu cầu vốn dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2012-2015 để thực hiện đề án là 1.151,9 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách: 243,5 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 21,1%, trong đó: Ngân sách Trung ương 191 tỷ đồng; ngân sách địa phương 52,5 tỷ đồng;

- Nguồn vốn huy động các thành phần kinh tế (Doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình, cá nhân): 678,4 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 58,9%;

- Huy động tài trợ của các tổ chức quốc tế: 89,2 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 7,7%;

- Lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn: 140,8 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 12,2%.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ thẩm quyền ra quyết định phê duyệt Đề án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững giai đoạn 2012 - 2015 và định hướng đến năm 2020; xây dựng các quy hoạch, đề án cụ thể để tổ chức thực hiện.

Điều 3. Giao Thường trực HĐND tỉnh, các ban HĐND tỉnh và đại biểu HDND tỉnh giám sát việc thực hiện Đề án.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Hà Tĩnh khóa XVI, kỳ họp thứ 3 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Văn phòng Bộ Tư lệnh QK4;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT Thông tin - VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT Công báo - Tin học VP UBND tỉnh;
- Lưu: VP. HH200b

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bình

